

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HS-PT

Ngày: 05 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**.

Các Thẩm phán: Ông **Mai Văn Hùng Cường**;

Ông **Võ Ngọc Giàu**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thu Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Ông **Hồ Minh Hiếu**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 07/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo **Đỗ Khánh A**, **Huỳnh Văn T**, **Huỳnh Thanh P**, **Trần Minh T1**, **Hồ Chí T2**, **Phạm Trung H**, **Phạm Duy C**, **Nguyễn Minh H1**, **Đỗ Văn P1**, **Lê Nguyễn Đức H2** do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang và kháng cáo của các bị cáo **T**, **P**, **Minh T1**, **C**, **T**, **P1**, **H2** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- **Các bị cáo:**

1. **Đỗ Khánh A**, sinh ngày 28/01/1999, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082099009659;

Nơi cư trú: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12;

Con ông **Đỗ Văn H3** và bà **Nguyễn Thị Tuyết M**; Chưa có vợ, con.

Ngày 11/12/2020, bị Công an thị xã G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 920/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc dưới hình thức đá gà; đã nộp phạt vào ngày 31/12/2020.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/02/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Văn T (Tên gọi khác: T Chìa), sinh ngày 20/12/1992, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082092011467;

Nơi cư trú: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12;

Con ông Huỳnh Văn T3 và bà Nguyễn Thị V; Chưa có vợ, con.

Ngày 04/10/2012, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã G ra khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đến ngày 17/12/2012, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G ra Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can với lý do bị hại có đơn xin rút yêu cầu xử lý hình sự đối với bị can trong giai đoạn truy tố.

Ngày 07/01/2016, bị Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 102/QĐ-XPVPHC với số tiền 7.500.000 đồng về hành vi rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác đánh bạc trái phép, chưa nộp phạt.

Ngày 24/5/2019, bị Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 164/QĐ-XPVPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt vào ngày 29/5/2019.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 03/6/2023, bị Công an thị xã G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 38/QĐ-XPVPHC với số tiền 7.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt xong vào ngày 14/6/2023.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2023 đến ngày 03/10/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh theo Quyết định về việc bảo lãnh số 03/QĐ-VKSTXGC của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Huỳnh Thanh P (Tên gọi khác: P Bắc Kỳ), sinh ngày 17/4/2000, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082200006047;

Nơi cư trú: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12;

Con ông Huỳnh Thanh P2 và bà Nguyễn Ngọc H4; Chưa có vợ, con;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 lần. Ngày 02/8/2022, bị Công an thị xã G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 756/QĐ-XPVC với số tiền 6.500.000 đồng về hành vi gây thương tích cho người khác; đã nộp phạt vào ngày 27/10/2022.

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Minh T1 (Tên gọi khác: T1 Lớn), sinh ngày 08/3/2001, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082201014158;

Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Chỗ ở: Ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12;

Con ông Đoàn Văn H5 và bà Trần Thị T4; Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Hồ Chí T2 (Tên gọi khác: T2 Nhỏ), sinh ngày 24/4/2002, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082202000725;

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12;

Con ông Hồ Văn L1 và bà Phạm Thị Kim N1; Chưa có vợ, con;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 lần. Ngày 16/6/2022, bị Công an thị xã G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc dưới hình thức đá gà; đã nộp phạt vào ngày 29/6/2022.

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Trung H, sinh ngày 10/02/2002; tại huyện G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082202010573;

Nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12;

Con ông Phạm Văn H6 và bà Nguyễn Thị Kim V1; Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Duy C (Tên gọi khác: N2), sinh ngày 01/01/1989, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082089007106;

Nơi cư trú: Ấp L, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12;

Con ông Phạm Văn B và bà Lê Thị S (chết); Vợ là Cổ Thị Hoàng Y, sinh năm 1990 (Đã ly hôn năm 2022) có 3 con chung, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ

nhất sinh năm 2017; Vợ thứ hai: Dương Thị Thu T5, sinh năm 1990; có 01 con sinh ngày 12/8/2023.

Ngày 25/8/2023, Tòa án nhân dân thị xã G xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; theo Bản án số 32/2023/HS-ST.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/02/2023 đến ngày 29/5/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh.

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Minh H1, sinh ngày 04/9/1995, tại huyện G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082095014533;

Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 11/12;

Con ông Nguyễn Văn B1 (chết) và bà Nguyễn Thị Thu H7; Chưa có vợ, con;

Ngày 20/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); chấp hành xong ngày 20/9/2015; đã được xóa án tích.

Ngày 31/5/2021, bị Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 184/QĐ-XPVPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc dưới hình thức đá gà; đã nộp phạt vào ngày 04/6/2021.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 lần, cụ thể: Ngày 09/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 21/7/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Đỗ Văn P1, sinh ngày 16/5/2001, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082201013538;

Nơi cư trú: Ấp M, xã B, Tx. G, tỉnh Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ;

Con ông Đỗ Văn P3 và bà Bùi Thị S1; Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 21/7/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. **Lê Nguyễn Đức H2**, sinh ngày 21/6/2001, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Số CMND/CCCD: 082201010628;

Nơi cư trú: Ấp S, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Lê Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ L2; Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 21/7/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo H2*: Luật sư Ngô Trung H8 – Công ty L4 (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án có 03 bị cáo, 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đây bị cáo Đỗ Khánh A có mượn tiền của bị cáo Phạm Duy C nên vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/8/2022, bị cáo C đi cùng Nguyễn Hữu T6 đến nhà bị cáo A tại ấp M, xã B, thị xã G để đòi tiền nợ. Khi gặp nhau, bị cáo C hỏi bị cáo A: “Tiền thiếu sao chưa trả?”, bị cáo A trả lời: “Đề chiều cầm xe trả cho một nửa còn một nửa để tuần sau trả”. Quá trình cự cãi qua lại, bị cáo C lấy ra 01 khẩu súng mang theo trước đó rồi bắn 02 phát về phía bị cáo A, 01 phát trúng gần mắt cá chân trái, 01 phát trúng hông trái, sau đó bị cáo C bỏ đi.

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Thanh T7 là người sống chung như vợ chồng với bị cáo A gọi điện thoại cho bị cáo Huỳnh Văn T đến để chở A đi bệnh viện. Nhưng thấy thương tích của bị cáo An nhẹ, nên bị cáo T chở bị cáo A đến quán nước của bà Trần Thị Kim L3 gần ngã ba B thì gặp bị cáo Huỳnh Thanh P, bị cáo Trần Minh T1, bị cáo Hồ Chí T2, bị cáo Phạm Trung H và bị cáo Đỗ Văn P1 cũng đang ở tại quán, sau đó bị cáo P1 bỏ ra về trước. Bị cáo A mới kể lại sự việc cho những người ở đây nghe. Lúc này, bị cáo A nhận được điện thoại của bị cáo C, bị cáo C hỏi “mày đang ở đâu, tao ra gần tới đầu lộ nhà mày”. Nghe vậy, bị cáo A mượn xe mô tô của bị cáo Trần Minh T1 chạy về nhà lấy 02 cây dao mác và 01 cây dao phóng lợn (đặt mua trên mạng). Trong thời gian bị cáo A về nhà lấy dao, bị cáo Huỳnh Văn T cũng đi lấy một khẩu súng đã cất giấu từ trước ở một con hẻm gần quán nước, khi bị cáo A mang dao quay trở lại quán nước rồi rủ những người chung nhóm đi gặp nhóm của bị cáo C giải quyết mâu thuẫn, thì cả nhóm đồng ý.

Khi đi, bị cáo A cầm 01 cây dao mác, bị cáo P cầm cây dao phóng lộn, bị cáo T tự cất trong người 01 khẩu súng. Cả nhóm vừa cầm hung khí vừa điều khiển xe mô tô chở nhau trên Quốc lộ E. Khi đến gần Cửa hàng Vật liệu xây dựng “Minh Hùng” tại ấp B, thị xã G; tại đây, bị cáo A thấy bị cáo Lê Nguyễn Đức H2, bị cáo Phạm Trung H cũng có mặt tại đây. Như vậy, tại hiện trường vụ án thì nhóm của bị cáo A tổng cộng có 08 người (A, T, P, Minh T1, Chí T2, P1, H2, T).

Về nhóm của bị cáo Phạm Duy C:

Trước khi đi, bị cáo C rủ Nguyễn Hữu T6 cùng đi tìm gặp nhóm của bị cáo A để giải quyết mâu thuẫn, khi gặp nhóm của bị cáo A thì bị cáo Nguyễn Minh H1 cũng có mặt tại đây. Trước đó, bị cáo C đã tàng trữ 04 khẩu súng (theo bị cáo C khai là mua trên mạng xã hội với mục đích phòng thân); Bị cáo C đưa cho T6, bị cáo Minh H1 mỗi người giữ 01 khẩu súng ngắn màu đen; riêng bị cáo C cất giấu 02 khẩu súng (trong đó có một khẩu súng ngắn dạng Rulo, thân bằng kim loại màu trắng, báng súng bằng nhựa màu nâu, trên thân có ký hiệu số 18F19308). Khi đi, T6 điều khiển xe mô tô biển số 63B7-560.80 chở bị cáo C; 01 đối tượng nam chưa rõ nhân thân (theo lời khai của bị cáo Minh H1 thì người này tên thường gọi là N3) điều khiển xe mô tô biển số 63B7-595.12; 01 đối tượng nam chưa rõ nhân thân khác điều khiển xe mô tô biển số 63B7-266.34 chở bị cáo Minh H1. Như vậy, tại hiện trường vụ án thì nhóm của bị cáo C tổng cộng có 05 người (C, Minh H1, T6, đối tượng tên thường gọi là N3 và 01 đối tượng chưa rõ nhân thân).

Khi hai nhóm gặp nhau, mỗi nhóm tập hợp ở một bên đường của Quốc lộ E, rồi hai bên dùng súng ngang nhiên bắn nhiều phát về nhau, bắt chấp trên Quốc lộ E lúc này đang có nhiều người dân lưu thông. Những người dân khi lưu thông đến khu vực các đối tượng bắn nhau thì phải nhanh chóng quay đầu xe né tránh. Sau khi nhóm của bị cáo C hết đạn bỏ chạy thì nhóm của bị cáo A cầm nhiều hung khí là dao, súng, gạch, đá đồng loạt rượt đuổi nhóm của bị cáo C, hành vi cụ thể như sau:

Hành vi của những người trong nhóm bị cáo Phạm Duy C:

- Bị cáo C sử dụng khẩu súng ngắn màu đen, loại có hộp tiếp đạn bắn 02 phát gây tiếng nổ lớn; bị cáo C tiếp tục lấy khẩu súng Rulo màu trắng, thân súng có ký hiệu 18F19308 bắn, bị cáo C khai nhiều lần bóp cò nhưng đạn không nổ nên nhóm bị cáo C bị nhóm bị cáo Khánh A truy đuổi.

- Bị cáo Nguyễn Minh H1 cầm súng tham gia hỗ trợ cho nhóm của bị cáo C;

- Nguyễn Hữu T6 cầm súng bắn về nhóm của bị cáo A cho đến khi hết đạn thì bỏ chạy.

Hành vi của những người trong nhóm bị cáo Đỗ Khánh A:

- Bị cáo T dùng súng bắn được 04 phát thì hết đạn; bị cáo T tiếp tục nhặt đất, đá ven đường ném qua nhóm của bị cáo C;

- Bị cáo P cầm dao tự chế băng qua Quốc lộ E tiến đến vị trí nhóm của bị cáo C;

- Bị cáo Trần Minh T1, bị cáo Hồ Chí T2, bị cáo Phạm Trung H nhặt gạch, đá ven đường chọi nhóm của bị cáo C, khi nhóm của bị cáo C bỏ chạy thì tiếp tục nhặt gạch, đá cầm trên tay đuổi theo;

- Bị cáo Đỗ Văn P1 khi nghe có người la bị cáo Khánh A bị bắn trên lộ thì cầm móc tự chế từ nhà chạy ra đường cùng nhóm bị cáo Khánh A rượt đuổi nhóm của bị cáo C.

- Bị cáo Lê Nguyễn Đức H2 khi biết tin nhóm bị cáo A gặp nhóm của bị cáo C thì cầm theo 01 con dao (theo bị cáo H2 khai là nhặt được dao ở ven đường) rồi chạy đến nơi hai nhóm gặp nhau với mục đích có chuyện gì thì lấy dao này để sử dụng;

Khi thấy bên nhóm của bị cáo C đã bắn hết đạn, bị cáo A cùng những người trong nhóm ủa sang phần đường đối diện thì nhóm của bị cáo C bỏ chạy. Bị cáo A cầm dao móc đuổi theo Nguyễn Minh H1, khi đã đuổi kịp H1 thì bị cáo A dùng dao chém từ trên xuống 01 cái vào người H1; H1 giơ 02 tay lên đỡ nên đã bị chém trúng bàn tay trái, tay phải gây thương tích.

Sau đó, khi biết sắp có lực lượng Công an đến thì cả hai nhóm bỏ chạy khỏi hiện trường, để lại 03 xe mô tô có biển số lần lượt là: 63B7-560.80, 63B7-595.12 và 63B7-266.34.

Trên đường bỏ chạy, bị cáo A khai đã ném con dao dùng để chém H1 xuống ruộng (không nhớ rõ vị trí); Bị cáo T khai đã ném bỏ khẩu súng xuống sông V, không thể thu hồi. Bị cáo C thì gặp T6 và được T6 trả lại khẩu súng mà bị cáo C đã đưa trước đó; sau đó, bị cáo C một mình bỏ chạy đến khu vực thuộc xã B thì vứt bỏ khẩu súng T6 vừa trả và 04 viên đạn trong khẩu súng rulo màu trắng xuống kênh nước (không nhớ rõ vị trí); Bị cáo C tiếp tục chạy bộ đến khu vực gần chân cầu M thì vứt tiếp 01 khẩu súng rulo màu trắng thân súng có ký hiệu 18F19308, 01 khẩu súng ngắn màu đen rồi quay về nhà.

Theo Giấy chứng nhận thương tích số 949/CN ngày 23/98/2022 của Bệnh viện C3, thương tích của Nguyễn Minh H1 khi nhập viện vào ngày 10/8/2023 gồm: Vết thương đứt lìa ngón I tay (T), vết thương ngón I tay (P) đứt gân duỗi

ngón I. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 263/2022/TgT ngày 06/9/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang xác định tổn thương cơ thể đối với bị cáo Nguyễn Minh H1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương trùng vết mổ mặt lưng đốt bàn ngón I bàn tay phải;
- Đứt gân duỗi ngón I bàn tay phải, đã phẫu thuật di chứng cứng khớp đốt bàn ngón I bàn tay phải;
- Sẹo vết mổ đốt bàn ngón I bàn tay trái;
- Mất trợn ngón I tay trái, không ảnh hưởng xương bàn tay

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Minh H1 là 30% (ba mươi phần trăm).

3. Kết luận khác:

Xác định vật gây thương tích: Thương tích Nguyễn Minh H1 do vật sắc gây nên.

Theo Kết luận giám định số 5623/KL-KTHS của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau:

- 03 (ba) khẩu súng gửi giám định:

+ Khẩu súng (ký hiệu A5) là công cụ hỗ trợ, thuộc loại súng bắn đạn cao su, không phải là súng quân dụng;

+ Khẩu súng (ký hiệu A6) là súng quân dụng, thuộc loại súng ổ quay chế tạo thủ công bắn đạn nổ;

+ Khẩu súng (ký hiệu A7) là đồ chơi nguy hiểm, không phải là súng quân dụng.

- 42 (bốn mươi hai) viên đạn (ký hiệu A4) là đạn chì cỡ 5,6mm, thuộc súng săn, sử dụng cho các loại súng săn cỡ nòng 5,6mm.

- 11 (mười một) vỏ đạn (ký hiệu A1) là vỏ của đạn cỡ (9x22) mm, có thể được bắn ra từ súng quân dụng, súng bắn đạn cao su, các loại súng chế tạo thủ công v.v... không đủ cơ sở xác định các vỏ đạn này thuộc danh mục nào.

- Vật (ký hiệu A2) là đầu đạn của đạn cao su cỡ (9x22) mm, có thể được bắn ra từ súng quân dụng, súng bắn đạn cao su, các loại súng chế tạo thủ công v.v...

- Vật (ký hiệu A3) là đạn chì đã biến dạng, thuộc súng săn, sử dụng cho các loại súng hơi cỡ nòng 5,6mm.

Tại khu vực gần hiện trường vụ án có camera an ninh của Công an xã B và camera quan sát của Cửa hàng Vật liệu xây dựng Minh H9, nên Cơ quan điều tra đã thu giữ dữ liệu điện tử từ camera và trưng cầu giám định đối với dữ liệu này. Theo Kết luận giám định số 263/KL-KTHS ngày 12/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang xác định:

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép nội dung hình ảnh trong hai tập tin video gửi giám định tên “Video Camera An Ninh.mp4” và “Video VLXD Minh Hung.dav”;

- Quan sát nội dung hình ảnh trong hai tập tin video gửi giám định tên “Video Camera An Ninh.mp4” và “Video VLXD Minh Hung.dav”, xác định được đặc điểm trang phục đối tượng, phương tiện và hung khí như sau:

- + Tập tin video tên “Video Camera An Ninh.mp4”:

Về phương tiện: Có 02 phương tiện, được ký hiệu phương tiện 1A và phương tiện 2A:

Phương tiện 1A: Xe cơ giới hai bánh, màu xanh, dạng xe số.

Phương tiện 2A: Xe cơ giới hai bánh, màu tối, dạng xe số.

Về đối tượng: Có 06 người, được ký hiệu từ số 1A đến số 6A:

Số 1A: Người điều khiển phương tiện 1A chở số 2A và số 3A; đội nón màu trắng - đen, đeo khẩu trang, mặc áo thun ngắn tay màu đen, quần lửng ngang gối, chân mang dép dạng quai ngang;

Số 2A: Người ngồi giữa đội nón kết màu đen, mặc áo dài tay màu đen, quần lửng ngang gối, chân mang dép, tay phải cầm một vật có hình dạng cây dài, một đầu cây gắn lưỡi dao;

Số 3A: Người ngồi phía sau, đội nón kết màu nâu;

Số 4A: Người điều khiển phương tiện 2A chở số 5A và số 6A, đội nón kết, mặc áo thun dài tay màu đen, trên tay áo có đường sọc dài màu trắng, quần lửng ngang gối, chân mang dép dạng quai kẹp;

Số 5A: Người ngồi giữa mặc áo thun ngắn tay màu đen, quần lửng ngang gối, chân không mang giày dép, tay trái cầm một vật (hình dạng cây dài, một đầu cây gắn lưỡi dao, bản lưỡi nhỏ);

Số 6A: Người ngồi phía sau, mặc áo dài tay màu trắng, quần lửng ngang gối, chân mang dép dạng quai kẹp.

- + Tập tin video tên “Video VLXD Minh Hung.dav”: Quan sát thấy có 02 nhóm.

Nhóm 1: Có 03 phương tiện, 05 đối tượng.

Về phương tiện: Được ký hiệu phương tiện 1 đến phương tiện 3:

Phương tiện 1: Xe cơ giới hai bánh, màu xanh, dạng xe số;

Phương tiện 2: Xe cơ giới hai bánh, màu trắng, dạng xe số;

Phương tiện 3: Xe cơ giới hai bánh, màu xanh, dạng xe số.

Về đối tượng: Được ký hiệu từ số 1 đến số 5:

Số 1: Người điều khiển phương tiện 1, chở số 2, đội nón kết màu trắng - đen, đeo khẩu trang, mặc áo dài tay sọc ca-rô, quần lửng ngang gối màu xanh, chân mang dép dạng quai ngang, tay phải cầm một vật dạng súng, tay trái cầm một vật dạng súng và 01 (một) túi màu đen;

Số 2: Người đội nón kết màu trắng, đeo khẩu trang, mặc áo khoác dài tay màu đen, quần dài màu xanh, chân mang dép, hai tay mỗi tay cầm một vật dạng súng;

Số 3: Người điều khiển phương tiện 2, đội nón kết, đeo khẩu trang, mặc áo dài tay, nửa thân áo phía trên màu sáng, nửa thân áo phía dưới màu đen, quần lửng ngang gối màu xanh, chân mang dép, cầm một vật (không xác định được hình dạng);

Số 4: Người điều khiển phương tiện 3, chở số 5, đội nón có vành, mặc áo dài tay màu xanh, mặc quần dài màu đen, chân mang dép dạng quai ngang, tay phải cầm một vật dụng súng;

Số 5: Người đội nón kết màu đen, đeo khẩu trang, mặc áo dài tay sọc ca-rô, quần lửng ngang gối, chân mang dép màu vàng, tay phải cầm một vật dạng súng, tay trái cầm một vật (không xác định được hình dạng).

Nhóm 2: Có 02 phương tiện, 08 đối tượng.

Về phương tiện: Có 02 phương tiện xe cơ giới hai bánh.

Về đối tượng: Có 08 đối tượng, được ký hiệu từ số 6 đến số 13:

Số 6: Người điều khiển phương tiện 1, chở số 7 và 8, đội nón, đeo khẩu trang, mặc áo ngắn tay màu đen, quần lửng ngang gối;

Số 7: Người ngồi giữa số 6 và 8, đội nón kết màu đen, mặc áo dài tay màu đen, quần lửng ngang gối, chân mang dép, tay phải cầm một vật (có hình dạng cây dài, một đầu có gắn lưỡi dao), về sau đưa cho đối tượng số 10 cầm;

Số 8: Người ngồi phía sau số 7, đội nón, mặc áo ngắn tay màu đen, quần lửng ngang gối, tay trái cầm một vật giống dạng súng, tay phải cầm một vật (không xác định được hình dạng) được lấy từ số 10;

Số 9: Người điều khiển phương tiện 2, chở số 10 và 11, đội nón kết, mặc áo thun dài tay màu đen, trên tay áo có đường sọc dài màu trắng, quần lửng ngang gối, chân mang dép dạng quai kẹp, tay phải cầm một cục gạch ống màu đỏ và tay trái cầm hai cục gạch ống màu đỏ;

Số 10: Người ngồi giữa số 9 và 11, mặc áo ngắn tay màu đen, quần lửng ngang gối, chân không mang dép, lúc đầu cầm một vật (không xác định được hình dạng) sau đó đưa cho số 8 về sau hai tay cầm một vật (dạng cây dài, một đầu có gắn lưỡi dao) do số 7 đưa;

Số 11: Người ngồi phía sau số 10, mặc áo dài tay màu trắng, quần lửng ngang gối, tay trái cầm một vật (không xác định được hình dạng);

Số 12: Người đeo khẩu trang, mặc áo ngắn tay màu đen, giữa ngực áo có nhiều ký tự màu trắng, quần lửng ngang gối, hai tay cầm một vật (hình dạng giống mã tấu);

Số 13: Người đội nón kết màu đen, đeo khẩu trang, mặc áo dài tay, quần dài, chân mang dép dạng quai ngang, tay trái cầm một vật (hình dạng cây dài, một đầu cây gắn lưỡi dao, bản lưỡi nhỏ).

Kèm theo Kết luận giám định là bản ảnh đối tượng, phương tiện và hung khí.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Khánh A, Huỳnh Văn T, Huỳnh Thanh P, Trần Minh T1, Hồ Chí T2, Phạm Trung H, Phạm Duy C, Nguyễn Minh H1, Đỗ Văn P1, Lê Nguyễn Đức H2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Khánh A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Khánh A 03 (Ba) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 08/02/2023.

2- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/7/2023 đến ngày 03/10/2023.

3- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Duy C 03 (Ba) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” tại Bản án số 32/2023/HS-PT ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/02/2023 đến ngày 29/5/2023.

4- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 68/2022/HS-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 21/7/2023.

5- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh P 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

6- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Minh T1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Hồ Chí T2 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Trung H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam ngày 21/7/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Đức H2 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam ngày 21/7/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 07 tháng 12 năm 2023, các bị cáo Đỗ Văn P1, Lê Nguyễn Đức H2 có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Huỳnh Văn T, Hồ Chí T2, Phạm Trung H, Huỳnh Thanh P, Trần Minh T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

* Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VKSTG đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án hình

sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Đỗ Khánh A, Huỳnh Văn T, Huỳnh Thanh P, Trần Minh T1, Hồ Chí T2, Phạm Trung H, Nguyễn Minh H1, Đỗ Văn P1, Lê Nguyễn Đức H2 thống nhất khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm. Đồng thời có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 24/QĐ-VKSTG ngày 29/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Xét cấp sơ thẩm bỏ lọt hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Văn T, Huỳnh Thanh P, Trần Minh T1, Hồ Chí T2, Phạm Trung H, Đỗ Văn P1, Lê Nguyễn Đức H2. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bản án sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân thị xã G để điều tra lại vụ án.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo H2 có ý kiến cho rằng, kết quả điều tra xác định bị cáo H2 không biết mâu thuẫn giữa nhóm bị cáo A với bị cáo C, bị cáo không được nhóm của bị cáo A rủ rê tham gia. Chỉ đến khi thấy bị cáo P1 cầm mã tấu chạy đi thì bị cáo chạy theo và có nhặt con dao bên đường để phòng thân. Khi đến hiện trường thì bị cáo A đã gây thương tích cho bị cáo Minh H1. Đồng thời, xét bị cáo tham gia gây rối với vai trò thứ yếu nhưng án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù, ngang mức án của các bị cáo P1, Minh T1, C, T là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Văn T, Huỳnh Thanh P, Trần Minh T1, Hồ Chí T2, Phạm Trung H, Đỗ Văn P1 và Lê Nguyễn Đức H2 cho rằng, bị cáo Đỗ Khánh A không rủ rê các bị cáo tham gia và việc bị cáo A sử dụng dao chém Nguyễn Minh H1 thì các bị cáo không biết, ngoài ý thức mong muốn của các bị cáo.

[2] Qua lời khai nhận của các bị cáo, bị hại và người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập đã thể hiện: Bị cáo Đỗ Khánh A đã nói về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bị cáo với nhóm của bị cáo Phạm Duy C cho các bị cáo Huỳnh Văn T, Huỳnh Thanh P, Trần Minh T1, Hồ Chí T2, Phạm Trung H, Đỗ Văn P1 nghe. Ngay sau khi bị cáo Duy C điện thoại cho bị cáo A thách đố thanh toán lẫn nhau thì bị cáo A, T, P đi lấy hung khí là dao, mã tấu, súng và liền lúc cùng với các bị cáo Minh T1, C, T đi đến địa điểm đã hẹn với C. Lúc nhóm của C và T (nhóm của A) sử dụng súng bắn qua lại thì A, P, Minh T1, Chí T2, Trung H sử dụng gạch đá ném tấn công lại nhóm của C. Khi

nhóm của C bắn hết đạn bỏ chạy thì bị cáo A sử dụng dao mác, P sử dụng dao phóng lộn, T cầm súng và đá, Minh T1, Chí T2, Trung H sử dụng gạch đá, P1 và H2 sử dụng dao đến hỗ trợ truy đuổi những người trong nhóm của C và bị cáo A đã sử dụng dao chém Nguyễn Minh H1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 30%.

[3] Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bị cáo A với bị cáo C và mục đích các bên hện gặp thanh toán lẫn nhau thì các bị cáo T, P, Minh T1, C, T, P1 biết và trực tiếp cùng với bị cáo A sử dụng súng, dao, mã tấu, gạch đá tham gia truy đuổi để đánh, chém nhóm của bị cáo C. Chỉ đến khi nghe có lực lượng Công an đến thì T, P, Minh T1, C, T, P1, H2 mới dừng lại rời bỏ hiện trường. Như vậy, ý thức của các bị cáo T, P, Minh T1, Chí T2, T, P1, Huy là cùng với bị cáo A cố ý thực hiện hành vi phạm tội, nên các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm đối với hậu quả do bị cáo A trực tiếp gây thương tích đối với Minh H1. Thế nhưng, Cơ quan điều tra, truy tố không khởi tố, truy tố các bị cáo T, P, Minh T1, Chí T2, T, P1, H2 đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích” cùng bị cáo A là bỏ lọt hành vi phạm tội. Do đó, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

[4] Tại biên bản ghi lời khai đối với bị cáo Lê Nguyễn Đức H2 (BL: 154), bị cáo H2 khai nhận khi bị cáo ra đến hiện trường, bị cáo thấy hai nhóm ở hai bên đường đang bắn, sử dụng đất đá ném qua lại... Do đó, ý kiến của luật sư cho rằng, bị cáo H2 đến hiện trường sau khi bị cáo A đã gây thương tích cho bị cáo Minh H1 là không phù hợp với kết quả điều tra.

[5] Do hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án như đã nhận định, nên yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn P1, Lê Nguyễn Đức H2, Huỳnh Văn T, Hồ Chí T2, Phạm Trung H, Huỳnh Thanh P, Trần Minh T1 và ý kiến bào chữa của luật sư đề nghị xem xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo H2, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đối với các bị cáo Đỗ Khánh A, Huỳnh Văn T, Huỳnh Thanh P, Trần Minh T1, Hồ Chí T2, Phạm Trung H, Phạm Duy C, Nguyễn Minh H1, Đỗ Văn P1, Lê Nguyễn Đức H2;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang để điều tra lại vụ án theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Đỗ Khánh A, Đỗ Văn P1, Nguyễn Minh H1 và Lê Nguyễn Đức H2 cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang thụ lý lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tx.G;
- VKSND Tx.G;
- Công an Tx.G;
- THADS Tx.G;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Tuấn